

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ**



**HỘI THẢO KHOA HỌC**  
**HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT**  
**VỀ MÔI TRƯỜNG NHẪM THÍCH ỨNG VỚI**  
**BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

**NAM CAN THO UNIVERSITY**



***Cần Thơ, ngày 18/01/2024***





**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ**

# **HỘI THẢO KHOA HỌC**

## **HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ MÔI TRƯỜNG NHẪM THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**



***Cần Thơ, ngày 18/01/2024***

## MỤC LỤC

|                                                                                                                                      |     |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| LỜI MỞ ĐẦU .....                                                                                                                     | 1   |
| 1. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG CHÍNH SÁCH,<br>PHÁP LUẬT MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM.....                                   | 3   |
| <i>TS.GVC. Võ Trung Tín</i>                                                                                                          |     |
| 2. VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG THEO CÁC HIỆP ĐỊNH ĐA BIÊN VÀ THỰC TIỄN<br>Ở VIỆT NAM.....                                                      | 16  |
| <i>PGS.TS.GVCC Lê Vương Long</i>                                                                                                     |     |
| 3. CÔNG ƯỚC MARPOL 73/78 VỀ QUY TẮC NGĂN NGỪA Ô NHIỄM MÔI<br>TRƯỜNG BIỂN DO DẦU TỪ TÀU GÂY RA VÀ VIỆC THỰC THI TẠI<br>VIỆT NAM ..... | 28  |
| <i>ThS. Lê Thị Huỳnh Như</i>                                                                                                         |     |
| 4. PHÁP LUẬT TRUNG QUỐC VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG<br>KHÔNG KHÍ TẠI CÁC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ MỘT SỐ GỢI MỞ CHO<br>VIỆT NAM .....  | 42  |
| <i>ThS. Lê Thị Thuỳ Nhi</i>                                                                                                          |     |
| 5. BẢO VỆ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU<br>THEO PHÁP LUẬT TRUNG QUỐC VÀ LIÊN HỆ VỚI VIỆT NAM.....               | 51  |
| <i>ThS. Phan Thị Hồng Ân, ThS. Trần Tuấn Cảnh</i>                                                                                    |     |
| 6. HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI .....                                                                          | 72  |
| <i>TS.GVC. Bùi Kim Hiếu</i>                                                                                                          |     |
| 7. KHÁI QUÁT QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VÀ LUẬT VIỆT NAM VỀ<br>QUYỀN TIẾP CẬN NƯỚC SẠCH.....                                         | 86  |
| <i>PGS.TS. Nguyễn Thị Bảo Anh</i>                                                                                                    |     |
| 8. NÂNG CAO NHẬN THỨC CỦA NGƯỜI DÂN VỀ BẢO ĐẢM AN NINH<br>NGUỒN NƯỚC THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU .....                            | 102 |
| <i>ThS. Chu Thị Trinh</i>                                                                                                            |     |
| 9. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN<br>DU LỊCH CỘNG ĐỒNG.....                                                  | 112 |
| <i>TS. Phạm Thị Thuý Liễu</i>                                                                                                        |     |
| 10. THỰC THI PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VỀ TRÁI PHIẾU XANH<br>.....                                                                 | 121 |
| <i>TS.GVC. Nguyễn Ngọc Anh Đào</i>                                                                                                   |     |

|                                                                                                                                                                    |            |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>11. ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG ÁP DỤNG THUẾ CÁC-BON TẠI VIỆT NAM</b><br>.....                                                                                           | <b>133</b> |
| <i>Đoàn Thanh Thọ, ThS. Phạm Huỳnh Bảo Oanh</i>                                                                                                                    |            |
| <b>12. MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁP LÝ VỀ THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN</b> .....                                                                           | <b>145</b> |
| <i>ThS. Diệp Mỹ Nhân</i>                                                                                                                                           |            |
| <b>13. TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU</b> .....                                                                        | <b>153</b> |
| <i>TS. Hồ Thị Duyên</i>                                                                                                                                            |            |
| <b>14. PHÁP LUẬT VỀ BIỆN PHÁP BUỘC THỰC HIỆN KHẮC PHỤC TÌNH TRẠNG Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG</b> .....                                                                     | <b>168</b> |
| <i>ThS. Trần Thanh Khỏe, ThS. Nguyễn Thành Phương</i>                                                                                                              |            |
| <b>15. KIẾN TẬP THỂ TRONG CÁC VỤ ÁN ĐÒI BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI DO HÀNH VI GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG – KINH NGHIỆM TỪ NƯỚC NGOÀI VÀ MỘT SỐ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM</b> ..... | <b>178</b> |
| <i>NCS.ThS. Nguyễn Chí Dũng</i>                                                                                                                                    |            |
| <b>16. BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI DO Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG BỞI CÁC PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI GÂY RA – THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP</b> .....                                          | <b>185</b> |
| <i>ThS. Nguyễn Chí Hải</i>                                                                                                                                         |            |
| <b>17. TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI KHI GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG</b> .....                                                                       | <b>196</b> |
| <i>ThS. Thân Thị Kim Nga</i>                                                                                                                                       |            |
| <b>18. THỰC TIỄN THỰC HIỆN QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ TÀNG Ô-DÔN THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM</b> .....                                                                         | <b>206</b> |
| <i>ThS. Đinh Trần Ngọc Huyền</i>                                                                                                                                   |            |
| <b>19. PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI CÁC LÀNG NGHỀ Ở VIỆT NAM - THỰC TRẠNG VÀ HƯỚNG HOÀN THIỆN</b> .....                                                      | <b>218</b> |
| <i>ThS. Nguyễn Mộng Cầm, ThS. Nguyễn Thành Phương</i>                                                                                                              |            |
| <b>20. HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH, DỊCH VỤ</b> .....                                                     | <b>230</b> |
| <i>ThS. Nguyễn Thị Kim Nhiên</i>                                                                                                                                   |            |

|                                                                                                                                                         |            |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>21. HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ CỦA CÔNG TÁC THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.....</b>                    | <b>236</b> |
| <i>TS. CVCC. Nguyễn Thị Cẩm Hồng, Trần Hoàng Tuấn Đạt</i>                                                                                               |            |
| <b>22. KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG .....</b>                                                       | <b>243</b> |
| <i>TS. Tạ Quang Ngọc, NCS. Huỳnh Thị Lệ Hoa</i>                                                                                                         |            |
| <b>23. TỘI PHẠM VÀ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN MIỀN TÂY NAM BỘ.....</b>                                                         | <b>257</b> |
| <i>TS. Huỳnh Thanh Tuấn</i>                                                                                                                             |            |
| <b>24. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY DỊCH VỤ NĂNG LƯỢNG (ESCO) TẠI VIỆT NAM.....</b>            | <b>273</b> |
| <i>ThS. Nguyễn Đức Trí, Trần Minh Nhật</i>                                                                                                              |            |
| <b>25. THỰC THI KHUNG PHÁP LÝ VỀ QUYỀN ĐƯỢC SỐNG TRONG MÔI TRƯỜNG TRONG LÀNH TRƯỚC TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở VIỆT NAM.....</b>                    | <b>286</b> |
| <i>ThS. Nguyễn Văn Trường</i>                                                                                                                           |            |
| <b>26. THỰC TRẠNG MUA BÁN CÁC LOÀI NGOẠI LAI TẠI VIỆT NAM – NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁP LÝ VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.....</b>                                          | <b>300</b> |
| <i>ThS. Mai Kim Hân, Nguyễn Anh Quốc</i>                                                                                                                |            |
| <b>27. HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT, XỬ LÝ Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG NƯỚC TẠI CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TRONG BỐI CẢNH THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU .....</b> | <b>311</b> |
| <i>ThS. Trần Thị Thu Vân, ThS. Nguyễn Thành Phương</i>                                                                                                  |            |
| <b>28. BẢO TỒN DI TÍCH TẠI VIỆT NAM – THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP .....</b>                                                                                 | <b>321</b> |
| <i>ThS. Võ Hoàng Cung</i>                                                                                                                               |            |

## LỜI MỞ ĐẦU

Biến đổi khí hậu là vấn đề mang tính toàn cầu, đã và đang đặt ra những thách thức lớn đối với toàn thể nhân loại. Trong những năm gần đây, biến đổi khí hậu đang có chiều hướng diễn biến phức tạp với nhiều hiện tượng thời tiết mang tính cực đoan. Hiện tượng nóng lên toàn cầu làm băng ở hai cực tan dần đến mực nước biển dâng cao. Điều này tác động nghiêm trọng đến những vùng duyên hải có mặt bằng thấp so với mực nước biển, nhiều khu vực trên thế giới trong đó có các vùng ven biển ở Việt Nam có nguy cơ bị nhấn chìm. Các hiện tượng thời tiết cực đoan như bão, lũ lụt, hạn hán diễn ra ngày càng diễn ra nghiêm trọng. Biến đổi khí hậu tác động nghiêm trọng đến mọi mặt của đời sống xã hội, đe dọa nghiêm trọng đến sự tồn vong của nhân loại.

Tại Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10-5-2017 của Thủ tướng Chính phủ đã khẳng định: *“Phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong quá trình phát triển đất nước; kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội và bảo vệ tài nguyên, môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội và bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền quốc gia”*. Việt Nam là một trong những Quốc gia dễ bị tổn thương và chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu. Vì thế, việc tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về môi trường nhằm bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu là điều hết sức bức thiết hiện nay.

Từ những lý do nêu trên, Trường Đại học Nam Cần Thơ đã tổ chức Hội thảo khoa học cấp Trường với chủ đề: *“Hoàn thiện chính sách, pháp luật về môi trường nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu”*. Hội thảo được tổ chức với mong muốn tại ra một diễn đàn để các nhà khoa học, các nhà quản lý, nhà hoạch định chính sách trao đổi khoa học, đề xuất các kiến nghị và giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách, pháp luật về môi trường nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu. Trong quá trình tổ chức Hội thảo khoa học, Ban tổ chức Hội thảo đã nhận được 28 bài tham luận của các học giả là giảng viên của Trường Đại học Nam Cần Thơ và các học giả đến từ nhiều trường đại học trên khắp cả nước. Trong đó, một số tham luận đã tập trung phân tích thực trạng chính sách, pháp luật về môi trường của Việt Nam cũng như một số quy định về môi trường trong các Công ước quốc tế và quy định pháp luật về môi trường của một số quốc gia. Đồng thời, một số tham luận đã tập trung nghiên cứu vấn đề thực hiện chính sách, pháp luật về môi trường ở Việt Nam. Trong các nghiên cứu, các học giả đã đưa ra được các kiến nghị, giải pháp, các gợi mở có giá trị khoa học và thực tiễn, góp phần hoàn thiện chính sách, pháp luật về môi trường nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu đa diễn ra ngày càng nhanh chóng và phức tạp.

Ban Tổ chức Hội thảo Khoa học trân trọng cảm ơn các nhà khoa học đã quan tâm, dành thời gian quý báu của mình để đóng góp bài viết và tham gia hội thảo khoa học, qua đó góp phần tổ chức thành công Hội thảo.

**BAN TỔ CHỨC**

# NÂNG CAO NHẬN THỨC CỦA NGƯỜI DÂN VỀ BẢO ĐẢM AN NINH NGUỒN NƯỚC THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

*ThS. Chu Thị Trinh<sup>1</sup>*

## **TÓM TẮT**

*Nước đóng vai trò vô cùng to lớn đối với sự sống và phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia cũng như toàn cầu. An ninh nguồn nước là một trong những nội dung quan trọng, liên quan đến phát triển bền vững và ổn định chính trị, chủ quyền quốc gia. Nâng cao nhận thức của toàn dân về bảo đảm an ninh nguồn nước là nhiệm vụ quan trọng, vừa cấp bách, vừa lâu dài, liên quan trực tiếp đến đời sống nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh đất nước. Bài viết làm rõ tầm quan trọng của việc nâng cao nhận thức của người dân về bảo đảm an ninh nguồn nước, từ đó nghiên cứu các giải pháp nâng cao nhận thức của họ trong bảo đảm an ninh nguồn nước.*

*Từ khoá: Nâng cao nhận thức, an ninh nguồn nước, biến đổi khí hậu*

## **ABSTRACT**

*Water plays an extremely important role in the life and socio-economic development of each country as well as the world. Water source security is one of the important contents, related to sustainable development, political stability, and national sovereignty. Raising awareness of the entire population about ensuring water source security is an important task, both urgent and long-term, directly related to people's lives, socio-economic development, and national defense, country security. The article clarifies the importance of raising people's awareness of ensuring water source security, thereby researching solutions to raise their awareness in ensuring water source security.*

*Keywords: Raising awareness, water security, climate change*

## **Đặt vấn đề**

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu gia tăng như hiện nay, việc đảm bảo an ninh nguồn nước là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhằm góp phần phát triển kinh tế, ổn định đời sống, xã hội. Chính vì tầm quan trọng có tính chiến lược của vấn đề an ninh nguồn nước đối với sự phát triển bền vững của đất nước mà trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã nhấn mạnh phải nâng cao nhận thức của các cấp ủy, các cấp chính quyền, của các cán bộ lãnh đạo quản lý, của các tổ chức chính trị xã hội, của toàn xã hội và của mỗi

---

<sup>1</sup> Khoa Luật Kinh tế, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh; Email: [chutrinhchu@gmail.com](mailto:chutrinhchu@gmail.com)



người; đồng thời phải hoàn thiện hệ thống pháp luật, xây dựng và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp để bảo đảm ngày càng tốt hơn an ninh nguồn nước.

## 1. Khái niệm về an ninh nguồn nước

Trên thế giới, nhiều quốc gia đã sớm nhận diện được vai trò quan trọng của nước, các thách thức liên quan đến nguồn nước và triển khai nhiều giải pháp quan trọng để đảm bảo an ninh nguồn nước. Tuy nhiên, trong hệ thống pháp luật ở các quốc gia trên thế giới (bao gồm các nước phát triển lẫn đang phát triển) hiện nay hầu như không có định nghĩa pháp lý, giải thích chính thức về thuật ngữ “an ninh nguồn nước”.<sup>2</sup>

Một trong những định nghĩa về an ninh nguồn nước đang được sử dụng phổ biến hiện nay là định nghĩa của Ủy ban về nước - Liên hợp quốc (UN-Water) đề xuất năm 2013. Theo UN-Water, khái niệm “an ninh nguồn nước” được hiểu là “khả năng người dân có thể được đảm bảo bền vững trong tiếp cận đủ lượng nước với chất lượng có thể chấp nhận được để duy trì sinh kế, đời sống con người và phát triển kinh tế - xã hội; đảm bảo việc bảo vệ chống lại ô nhiễm nguồn nước và các thảm họa liên quan đến nước; để bảo tồn các hệ sinh thái trong môi trường hòa bình và ổn định chính trị”<sup>3</sup>. Định nghĩa này hàm ý rằng, nước cần được quản lý một cách bền vững trong chu trình vận hành, đồng thời phải được quan tâm, quản lý trong tất cả các ngành, lĩnh vực của đời sống xã hội.

World Bank (2008) đã định nghĩa an ninh nguồn nước là sự sẵn có về mặt số lượng và chất lượng nước có thể chấp nhận được cho sức khỏe, sinh kế, hệ sinh thái và sản xuất; đi liền với mức độ có thể chấp nhận được của các rủi ro liên quan đến nước đối với con người, môi trường và nền kinh tế. Theo định nghĩa này, thuật ngữ “an ninh nguồn nước” được sử dụng với hàm ý về một nền tảng tối thiểu của thể chế và cơ sở hạ tầng về nước, dưới mức điều kiện tối thiểu đó, xã hội và nền kinh tế sẽ không có khả năng thích ứng trước tác động của các biến động về nước, và nước là một yếu tố sống còn đối với tăng trưởng.

Trong khi đó, Water Aid đã định nghĩa, an ninh nguồn nước là “có thể sử dụng nguồn nước đảm bảo về số lượng và chất lượng cho những nhu cầu căn bản của con người, sinh kế ở quy mô nhỏ và các dịch vụ hệ sinh thái ở địa phương, cùng với đó là khả năng quản lý rủi ro từ các thiên tai liên quan đến nước”<sup>4</sup>. Khái niệm này tiếp cận an

---

<sup>2</sup> [https://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=78348#:~:text=WB%20\(2008\)%20đã%20định%20nghĩa,trường%20và%20nền%20kinh%20tế](https://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=78348#:~:text=WB%20(2008)%20đã%20định%20nghĩa,trường%20và%20nền%20kinh%20tế). Truy cập ngày 30/11/2023

<sup>3</sup> UNW (2013), *Water Security & the Global Water Agenda A UN-Water Analytical Brief*

<sup>4</sup> WaterAid (2012), *Water security framework*

ninh nguồn nước trên cơ sở xem xét tiếp cận nguồn nước đáp ứng nhu cầu của con người, hệ sinh thái, hướng tới mục tiêu quản lý nước toàn diện.

Mặc dù mỗi tổ chức có cách tiếp cận riêng về an ninh nguồn nước nhưng đều thống nhất khái niệm này gồm 4 thành tố chính: (1) Các hệ sinh thái nước ngọt, nước biển và các hệ sinh thái liên quan được bảo vệ và củng cố; (2) Đảm bảo nhu cầu nước cho các mục đích sinh hoạt, sản xuất, bảo đảm cho phát triển bền vững và ổn định chính trị; (3) Mọi người dân đều được tiếp cận đầy đủ nguồn nước sạch với chi phí hợp lý. (4) Các đối tượng dễ bị tổn thương được bảo vệ trước rủi ro từ những thảm họa liên quan đến nước.

Trên cơ sở tiếp cận và kế thừa các định nghĩa về an ninh nguồn nước, tại dự thảo Luật Tài nguyên Nước (sửa đổi), an ninh nguồn nước được xác định “là khả năng bảo đảm của nguồn nước về số lượng, chất lượng nước phục vụ dân sinh, các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, môi trường”<sup>5</sup>. Theo định nghĩa này, có thể hiểu, an ninh nguồn nước là sự bảo đảm về số lượng và chất lượng nước để phục vụ cho sức khỏe, cho sinh kế, cho hoạt động sản xuất, cho môi trường sinh thái đối với cộng đồng dân cư, đồng thời cũng là sự bảo đảm được bảo vệ trước các loại hình dịch bệnh, thiên tai liên quan đến nước. Bảo đảm an ninh nguồn nước là phải đạt được một hệ thống bền vững về quản trị nguồn nước, kết cấu hạ tầng ngành nước để cân bằng nguồn nước phục vụ mục tiêu phát triển bền vững.

## **2. Thực trạng an ninh nguồn nước và nhận thức của người dân về bảo đảm an ninh nguồn nước tại Việt Nam**

Với vị trí địa lý nằm ở vùng nhiệt đới gió mùa, Việt Nam được đánh giá là có nguồn tài nguyên nước khá phong phú cả về nguồn nước mặt trong các hệ thống sông, hồ, lượng mưa và nguồn nước dưới lòng đất. Theo số liệu từ Bộ Tài Nguyên và Môi trường, Việt Nam có 3.450 sông, suối có chiều dài từ 10km trở lên, trong đó có 697 sông, suối, kênh, rạch thuộc nguồn nước liên tỉnh; 173 sông suối, kênh, rạch thuộc nguồn nước liên quốc gia và 38 hồ, đầm phá liên tỉnh. Tổng lượng dòng chảy hàng năm đạt khoảng 844,4 tỷ m<sup>3</sup>; trong đó tập trung chủ yếu ở lưu vực sông Cửu Long. Tuy nhiên, lượng nước sinh ra ở phần lãnh thổ Việt Nam chỉ chiếm khoảng 310-315 tỷ m<sup>3</sup>/năm, chủ yếu thuộc các lưu vực sông Hồng - Thái Bình, sông Đồng Nai, sông Cả, sông Mã, sông Vũ Gia - Thu Bồn.

Việt Nam cũng có lợi thế bổ sung nguồn nước, khi nằm trong số các quốc gia có lượng mưa lớn trên thế giới với lượng mưa trung bình năm khoảng 1940-1960mm

---

<sup>5</sup> Khoản 21 Điều 3, Dự thảo Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) được Quốc hội thông qua ngày 28/11/2023

(tương đương tổng lượng nước khoảng 640 tỷ m<sup>3</sup>/ năm). Nguồn nước dưới lòng đất của Việt Nam cũng có trữ lượng tiềm năng khá lớn, tập trung chủ yếu ở các khu vực đồng bằng Bắc Bộ, đồng bằng Nam Bộ và khu vực Tây Nguyên. Tổng trữ lượng nước dưới đất trên toàn lãnh thổ Việt Nam ước tính vào khoảng 91,5 tỷ m<sup>3</sup>/năm, trong đó, nước nhạt khoảng 69,1 tỷ m<sup>3</sup>/năm, còn nước mặn khoảng 22,4 tỷ m<sup>3</sup>/năm. Với trữ lượng nước hiện nay, tổng lượng nước bình quân trên đầu người của Việt Nam vào khoảng 8.610 m<sup>3</sup>/người/năm, cao hơn so với tiêu chuẩn của khu vực và trên toàn cầu. Tuy vậy, nếu chỉ xét nguồn nước nội sinh, Việt Nam đang là quốc gia thiếu nước do tổng lượng nước bình quân trên đầu người chỉ đạt 3.280 m<sup>3</sup>/người/năm, thấp hơn so với trung bình của Đông Nam Á là 4.900 m<sup>3</sup>/người/năm và mức bình quân toàn cầu là 4.000 m<sup>3</sup>/người/năm.<sup>6</sup>

Thêm vào đó, nguồn nước của Việt Nam đang đối mặt với nhiều vấn đề về ô nhiễm, khan hiếm, cạn kiệt cả về mức độ và quy mô, nhất là tại các vùng đô thị, khu công nghiệp, đe dọa trực tiếp đến an ninh nguồn nước và sự phát triển bền vững của quốc gia. Các nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm nguồn nước tại Việt Nam có thể kể đến là sự gia tăng dân số kéo theo lượng rác thải gia tăng với khối lượng lớn phục vụ sản xuất và tiêu dùng, gây ô nhiễm nguồn nước như: rác thải sinh hoạt, rác thải y tế; ô nhiễm do các điều kiện tự nhiên, do quá trình sản xuất công nghiệp phát thải, sản xuất nông nghiệp (thuốc bảo vệ thực vật) và do quá trình đô thị hóa. Không chỉ ô nhiễm nước mặt, các nguồn nước ngầm của Việt Nam cũng bị ô nhiễm nặng. Tại một số vùng nông thôn, nguồn nước ngầm bị nhiễm vi sinh đã vượt ngưỡng cho phép. Đây là mối đe dọa không chỉ đến hoạt động sản xuất mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe người dân. Những thiệt hại về môi trường còn kéo theo thiệt hại về kinh tế, GDP ngành nông nghiệp được dự đoán bị ảnh hưởng nặng nề nhất, với mức sụt giảm khoảng 3,5% vào năm 2035.

Ngoài ra, mặc dù nước ở Việt Nam có khoảng trên 840 tỷ mét khối mỗi năm, nhưng lượng nước sản sinh tại lãnh thổ Việt Nam chỉ có 37%, còn lại 63% là nước từ bên ngoài chảy về. Đến 90% lượng nước ở đồng bằng sông Cửu Long và 60% lượng nước ở đồng bằng sông Hồng là từ bên ngoài vào<sup>7</sup>. Trước khi chảy vào Việt Nam cung cấp nước cho sông Cửu Long, sông Mê Kông đã chảy qua 6 quốc gia là: Trung Quốc, Myanmar, Thái Lan, Lào, Campuchia. Nằm ở hạ lưu sông Mê Kông, Việt Nam không thể chủ động trong việc bảo vệ, khai thác và sử dụng nguồn nước này, nhất là khi các quốc gia thượng nguồn ngày càng khai thác triệt để nguồn nước để sản xuất điện. Khi các đập thủy điện ở thượng nguồn làm cho dòng chảy yếu đi thì không đủ sức vận chuyển phù sa và cát về Đồng bằng sông Cửu Long nữa, đồng nghĩa với việc sạt lở ở

<sup>6</sup> <https://moitruong.net.vn/thuc-trang-su-dung-tai-nguyen-nuoc-o-viet-nam-58777.html>, truy cập 01/12/2023

<sup>7</sup> Báo cáo môi trường quốc gia 2012

Đồng bằng sông Cửu Long sẽ khó có thể khắc phục được. Bên cạnh đó, các vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu làm nước biển dâng, xâm nhập mặn rừng đầu nguồn bị suy giảm cũng gây ra những tác động không hề nhỏ tới nguồn nước.

Mặc dù vậy, công tác bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước ở Việt Nam hiện nay còn nhiều hạn chế. Cụ thể là, công tác quản trị nguồn nước còn yếu, chưa hiệu quả; ý thức, trách nhiệm của nhiều cơ quan, tổ chức, địa phương và người dân trong việc quản lý, khai thác, sử dụng nước chưa cao; ô nhiễm nguồn nước ngày càng nghiêm trọng. Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước còn thiếu, chưa đồng bộ. Nhiều công trình thủy lợi xuống cấp; rủi ro, mất an toàn đập, hồ chứa nước có xu hướng gia tăng. Việc phát triển công nghiệp, đô thị chưa gắn với bảo đảm an ninh nguồn nước, làm suy giảm số lượng, chất lượng nguồn nước, thậm chí gây mất an ninh nguồn nước. Hợp tác quốc tế về bảo đảm an ninh nguồn nước hiệu quả chưa cao...

Nguyên nhân của những hạn chế yếu kém chịu tác động bởi những yếu tố khách quan và chủ quan. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường ngày càng phức tạp, khó lường, các khó khăn đặt ra cho bảo vệ nguồn nước ngày càng lớn. Việt Nam lại trong hoàn cảnh phụ thuộc nhiều vào nguồn nước từ các quốc gia thượng nguồn. Trong khi đó, công tác quản lý mặc dù có nhiều cố gắng nhưng còn nhiều bất cập, thiếu thống nhất; thể chế, chính sách chậm được sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện; chưa chú trọng đến quản trị nguồn nước, kinh tế tài nguyên nước; nguồn lực đầu tư cho bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước chủ yếu là ngân sách nhà nước, huy động nguồn lực xã hội còn hạn chế; chế tài xử lý các hành vi vi phạm chưa nghiêm...

Trước hết, một trong những nguyên nhân chủ quan được chỉ ra là nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên và người dân về bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước, bảo vệ, sử dụng nước chưa đầy đủ<sup>8</sup>. Ý chí chủ quan của đại đa số người dân cho rằng “nước là của trời cho, là tài nguyên vô tận”, nên sử dụng nước không cần xin phép, không cần tiết kiệm, không biết bảo vệ, phòng chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước. Không ít người dân vẫn cho rằng Việt Nam là quốc gia giàu nước, tuy nhiên, Việt Nam chỉ là quốc gia dồi dào về nước khi xét riêng tổng lượng nước hàng năm. Nhưng nếu xét theo tiêu chí đánh giá của Hội Tài nguyên nước Quốc tế, quốc gia nào có lượng nước bình quân trên đầu người dưới 4000m<sup>3</sup>/người/năm là quốc gia thiếu nước. Như vậy, với tổng lượng nước bình quân trên đầu người chỉ đạt 3.280 m<sup>3</sup>/người/năm, Việt Nam đã là quốc gia thiếu nước. Bên cạnh đó, trên nền nhận thức

---

<sup>8</sup> Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

chủ quan sai lầm về sự dồi dào của tài nguyên nước đã dẫn đến sự lãng phí quá mức nguồn tài nguyên nước trong sinh hoạt và sản xuất. Cho đến nay, công nghệ tưới tiêu trong nông nghiệp của Việt Nam vẫn chủ yếu là tưới tràn, trong khi đó, từ lâu, các tổ chức thế giới đã đưa ra khuyến cáo về các thức tưới tiết kiệm theo kiểu tưới rãnh, tưới nhỏ giọt, tưới phun. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tài nguyên nước ở địa phương chưa được các cấp, các ngành quan tâm đúng mức, càng làm cho việc quản lý tài nguyên nước kém hiệu quả.

Thứ hai, là nhận thức về trách nhiệm, thẩm quyền quản lý về tài nguyên nước của các Bộ, ngành, chính quyền địa phương các cấp chưa cao. Mặc dù, trong những năm qua, để đảm bảo an ninh nguồn nước, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản quy định về trách nhiệm, thẩm quyền quản lý tài nguyên nước, tạo lập được hệ thống thể chế, chính sách tương đối đầy đủ, bước đầu phát huy hiệu quả, hiệu lực ở cả Trung ương và địa phương trong quản lý tài nguyên nước như Luật bảo vệ môi trường 2020, Luật tài nguyên nước 2012, Nghị định số 36/2020/NĐ - CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản; Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ; Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước... Tuy nhiên, các chính sách quy định về trách nhiệm quản lý của các cơ quan còn rải rác ở nhiều văn bản khác nhau, dẫn tới sự chồng chéo trong việc phân định thẩm quyền; nhận thức về trách nhiệm của từng Bộ, ngành, địa phương trong quản lý nguồn nước, quản lý hoạt động khai thác, quản lý hệ thống cấp nước, xử lý nước thải, nhất là trong vấn đề bảo đảm an ninh tài nguyên nước, an ninh cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất, môi trường chưa thật sự đầy đủ. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ tài nguyên các xã, phường, thị trấn, phòng tài nguyên môi trường các huyện, thành, thị do ít người nhiều việc, phải trực tiếp giải quyết công việc bức xúc và nhạy cảm hàng ngày, trong lĩnh vực quản lý đất đai nên công tác quản lý về tài nguyên nước, môi trường chưa được quan tâm đúng mức. Hầu hết các địa phương chưa chú trọng công tác thống kê các nguồn tài nguyên nước một cách đầy đủ cả về số lượng và chất lượng; chưa quản lý chặt chẽ hoạt động của các tổ chức, cá nhân khai thác sử dụng nước cho các mục đích sản xuất nông, lâm, công nghiệp, nuôi trồng thủy sản, du lịch dịch vụ, sinh hoạt đời sống...dẫn tới chưa đảm bảo được an ninh nguồn nước tại địa phương nơi mình quản lý.

Thứ ba, nhận thức về trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân sở hữu công trình tài nguyên nước hoặc thực hiện các dịch vụ về nước chưa cao. Trong quá trình hoạt động, do chưa nhận thức được hết trách nhiệm của đơn vị, nên chưa thực hiện đầy đủ qui trình,



qui phạm nhằm khai thác hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bảo vệ tài nguyên nước theo định hướng phát triển bền vững; chưa thực hiện việc xin cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước theo qui định của Luật Tài nguyên nước.

### **3. Giải pháp nâng cao nhận thức về bảo đảm an ninh nguồn nước thích ứng với biến đổi khí hậu.**

Trên thế giới, nhiều quốc gia đã sớm nhận diện được vai trò quan trọng của nước, các thách thức liên quan đến nguồn nước và triển khai nhiều giải pháp quan trọng để đảm bảo an ninh nguồn nước. Tại Việt Nam, bên cạnh việc xác định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của các cấp, các ngành và người dân trong thực thi pháp luật về quản lý tài nguyên nước, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; Đảng và Nhà nước đã đề ra 9 nhóm nhiệm vụ giải pháp chủ yếu trong việc bảo đảm an ninh nguồn nước, trong đó, chỉ ra nhiệm vụ đầu tiên, quan trọng nhất là yêu cầu nâng cao nhận thức về tầm quan trọng bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước trong tình hình mới, yêu cầu đặt ra là công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu cần được tăng cường để cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp nhận thức đúng, đầy đủ về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước là nhiệm vụ quan trọng, vừa cấp bách, vừa lâu dài, liên quan trực tiếp đến đời sống nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh đất nước.<sup>9</sup>

Trong những năm gần đây, phổ biến giáo dục pháp luật về tài nguyên nước đã được ghi nhận trong các văn bản pháp luật<sup>10</sup>, quy định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội về việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức của người dân về bảo đảm an ninh nguồn nước. Nhiều bộ, ngành và các cơ quan chức năng đã có những nỗ lực đáng kể trong việc tuyên truyền giáo dục nhằm nâng cao ý thức của cộng đồng trong việc sử dụng tiết kiệm, hợp lý và bảo vệ nguồn tài nguyên nước. Một số hoạt động truyền thông tiêu biểu như: điều tra, thu thập thông tin để đánh giá nhu cầu, nhận thức của cán bộ, người dân về bảo vệ nguồn nước, phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn; tổ chức học tập kinh nghiệm nước ngoài về truyền thông bảo vệ nguồn nước và phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn; biên soạn và in ấn các tài liệu, sách, tờ rơi, phim... về bảo vệ nguồn nước và phòng chống hạn hán, xâm

---

<sup>9</sup> Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

<sup>10</sup> Ghi nhận tại khoản 4 điều 4 Luật tài nguyên nước năm 1998; Điều 5 Luật tài nguyên nước năm 2012; Điều 6 Dự thảo Luật Tài nguyên nước (sửa đổi)

nhập; tăng cường tổ chức các hội chợ, triển lãm, quảng bá sản phẩm thích ứng với điều kiện thiếu nước; các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ nguồn nước; tổ chức các diễn đàn, hội thảo tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị xã hội; các cơ quan thông tấn, báo chí, phóng viên... về bảo vệ tài nguyên nước và phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn; xây dựng và triển khai các chương trình giáo dục bảo vệ tài nguyên nước: xây dựng modul hướng dẫn tổ chức các hoạt động bảo vệ nguồn nước cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở, tổ chức các chương trình giáo dục, lớp học thí điểm trên cả nước; tăng cường vận động, phối hợp với những người có sức ảnh hưởng (KOLs) để truyền tải các thông điệp, hoạt động truyền thông về bảo vệ, sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên nước tới cộng đồng; truyền tải thông điệp qua các video ngắn, poster; các buổi nói chuyện, chia sẻ trực tiếp tại các sự kiện, các trường học, cơ sở giáo dục, các địa điểm công cộng...; phối hợp đăng tải các thông điệp, ấn phẩm trên các kênh truyền thông, mạng xã hội... Các hoạt động trên đã góp phần nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ tài nguyên nước. Tuy nhiên, trong cộng đồng dân cư, những hoạt động truyền thông này vẫn chưa thực sự có sức lan tỏa. Để thực hiện nhiệm vụ nâng cao nhận thức về bảo đảm an ninh nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu, cần thực hiện một số giải pháp sau:

*Một là*, hoàn thiện chính sách pháp luật về bảo đảm an ninh nguồn nước để phục vụ cho hoạt động truyền thông, phổ biến pháp luật nâng cao nhận thức. Việc nâng cao nhận thức pháp luật của người dân về bảo đảm an ninh nguồn nước đóng vai trò quan trọng trong bảo vệ tài nguyên nước nói riêng, bảo vệ môi trường nói chung, nhất là trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Trước hết, cần luật hóa được nội dung tài nguyên nước là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý như quy định trong Hiến pháp năm 2013. Với quy định đó, người dân sẽ nhận thức được vai trò đặc biệt quan trọng, thiết yếu của tài nguyên nước, xác định nước là cốt lõi trong xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch dân cư, phát triển các ngành, lĩnh vực có khai thác và sử dụng nước; từ đó hướng tới việc khai thác, sử dụng nước phải theo quy định về quản lý, sử dụng tài sản công và được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả. Bên cạnh đó, các văn bản pháp luật cần quy định cụ thể quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức thực hiện chức năng quản lý tài nguyên nước, trách nhiệm của tổ chức sở hữu công trình tài nguyên nước hoặc khai thác dịch vụ về nước. Dựa trên các văn bản này, cơ quan, tổ chức nhận thức được trách nhiệm của họ trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, bảo đảm an ninh nguồn nước.

*Hai là*, nội dung của hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức người dân về bảo đảm an ninh nguồn nước cần bám sát các tiến trình và sản phẩm của quá trình hoàn thiện các văn bản pháp luật, chính sách quản lý tài nguyên nước; việc sử dụng

tài nguyên nước hiệu quả; hoạt động cung cấp và tiêu thụ nước sạch, các quy chuẩn, tiêu chuẩn về chất lượng nước sạch cấp cho mục đích sinh hoạt, sản xuất; hoạt động xử lý nước thải... Việc xác định và lựa chọn nội dung truyền thông nâng cao nhận thức của người dân trước hết cần dựa trên chính sách của nhà nước về bảo đảm an ninh nguồn nước. Người dân cần nắm rõ chính sách, đường lối của Đảng về bảo đảm an ninh nguồn nước, bảo vệ tài nguyên nước. Bởi, an ninh nguồn nước là một dạng an ninh phi truyền thống. Bảo đảm an ninh nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả cũng góp phần bảo vệ đất nước, an ninh quốc gia. Để thực hiện điều đó, cần xác định nội dung truyền thông dễ hiểu, gắn với việc sử dụng nước tiết kiệm, chống ô nhiễm nguồn nước, giúp người dân nhận thức rõ nước là tài nguyên hữu hạn, cần được bảo vệ.

*Ba là*, xác định đúng nhóm đối tượng truyền thông mục tiêu để lựa chọn nội dung truyền thông phù hợp. Nhiệm vụ nâng cao nhận thức về bảo đảm an ninh nguồn nước, không chỉ đặt ra với người dân mà còn đối với đội ngũ cán bộ quản lý về trách nhiệm, thẩm quyền quản lý tài nguyên nước; nâng cao nhận thức về trách nhiệm của các tổ chức cá nhân sở hữu công trình tài nguyên nước hoặc thực hiện các dịch vụ về nước. Việc xác định đúng nhóm đối tượng truyền thông nâng cao nhận thức sẽ giúp xác định được mục tiêu truyền thông, xây dựng đúng nội dung cần truyền thông. Từ đó hiệu quả nâng cao nhận thức của đối tượng đích đối với vấn đề bảo đảm an ninh nguồn nước được đảm bảo.

*Bốn là*, đa dạng hoá hình thức truyền thông nâng cao nhận thức về bảo đảm an ninh nguồn nước. Xuất phát từ việc nhiều đối tượng cần nâng cao nhận thức về tài nguyên nước, nội dung truyền thông đa dạng nên việc đa dạng hoá hình thức truyền thông là giải pháp hiệu quả trong việc nâng cao nhận thức về bảo đảm an ninh nguồn nước. Ngoài các hình thức truyền thông truyền thống như: tập huấn, hội thảo, tọa đàm, lớp học ngoại khoá cho học sinh, sinh viên, đăng poster, video... cần đa dạng thêm các hình thức truyền thông nâng cao nhận thức cho người dân như: tổ chức các lớp truyền thông nâng cao nhận thức (giảng dạy cộng đồng) để người dân vừa là người thụ hưởng kết quả vừa là người trực tiếp tham gia công tác truyền thông; phối hợp với những người có tầm ảnh hưởng (ca sĩ, diễn viên, KOLs...) để truyền tải các thông điệp truyền thông về bảo vệ tài nguyên nước; sử dụng các phương tiện truyền thông là các mạng xã hội có lượng người dùng cao để truyền tải thông điệp truyền thông (tiktok, zalo, facebook)... Ngoài ra, các hình thức truyền thông có tác động sâu sắc để nhận thức của người dân như sân khấu hoá, kịch, phiên toà giả định cũng cần được phối hợp giữa các tổ chức đoàn thể để thực hiện.

Ngoài ra, việc lựa chọn thời gian, địa điểm truyền thông, ngôn ngữ truyền thông phù hợp cũng góp phần quyết định việc nâng cao nhận thức của người dân trong bảo

đảm an ninh nguồn nước. Với mỗi nhóm đối tượng truyền thông cần lựa chọn thời gian, địa điểm phù hợp để họ thể sắp xếp tham gia các hoạt động truyền thông một cách đầy đủ nhất. Ví dụ, truyền thông nâng cao nhận thức về sử dụng tài nguyên nước tiết kiệm cho nhóm đối tượng người dân (có thể là người dân thành thị, nông thôn, đồng bào dân tộc thiểu số, nông dân, công nhân, công chức...) thì thời gian, địa điểm, ngôn ngữ sử dụng cũng khác nhau, xác định phù hợp với từng nhóm người. Có thể đảm bảo được yếu tố đó trong truyền thông cũng là đảm bảo sự thành công nâng cao nhận thức.

#### 4. Kết luận

Thay đổi nhận thức để thay đổi thái độ đối với tài nguyên nước và từ đó để thay đổi hành vi khi sử dụng nước là khâu then chốt trong việc giải quyết các vấn đề liên quan tới nước, bảo đảm an ninh nguồn nước. Vai trò của truyền thông, tuyên truyền, giáo dục là hết sức quan trọng. Thực hiện tốt công tác truyền thông nâng cao nhận thức cho người dân sẽ góp phần đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ Bộ Chính trị đặt ra đối với yêu cầu nâng cao nhận thức về tầm quan trọng bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước trong tình hình mới.

Tài liệu tham khảo

[1] Báo cáo môi trường Quốc gia 2012

[2] Dự thảo Luật Tài nguyên nước (sửa đổi)

[3] Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

[4] Bùi Đức Hiếu, Tạ Đình Thi, Huỳnh Thị Lan Hương, Đào Minh Trang, “An ninh nguồn nước và những thách thức đối với an ninh nguồn nước ở Việt Nam”, Tạp chí Khoa học Biến đổi khí hậu, số 8 – Tháng 12/2018.

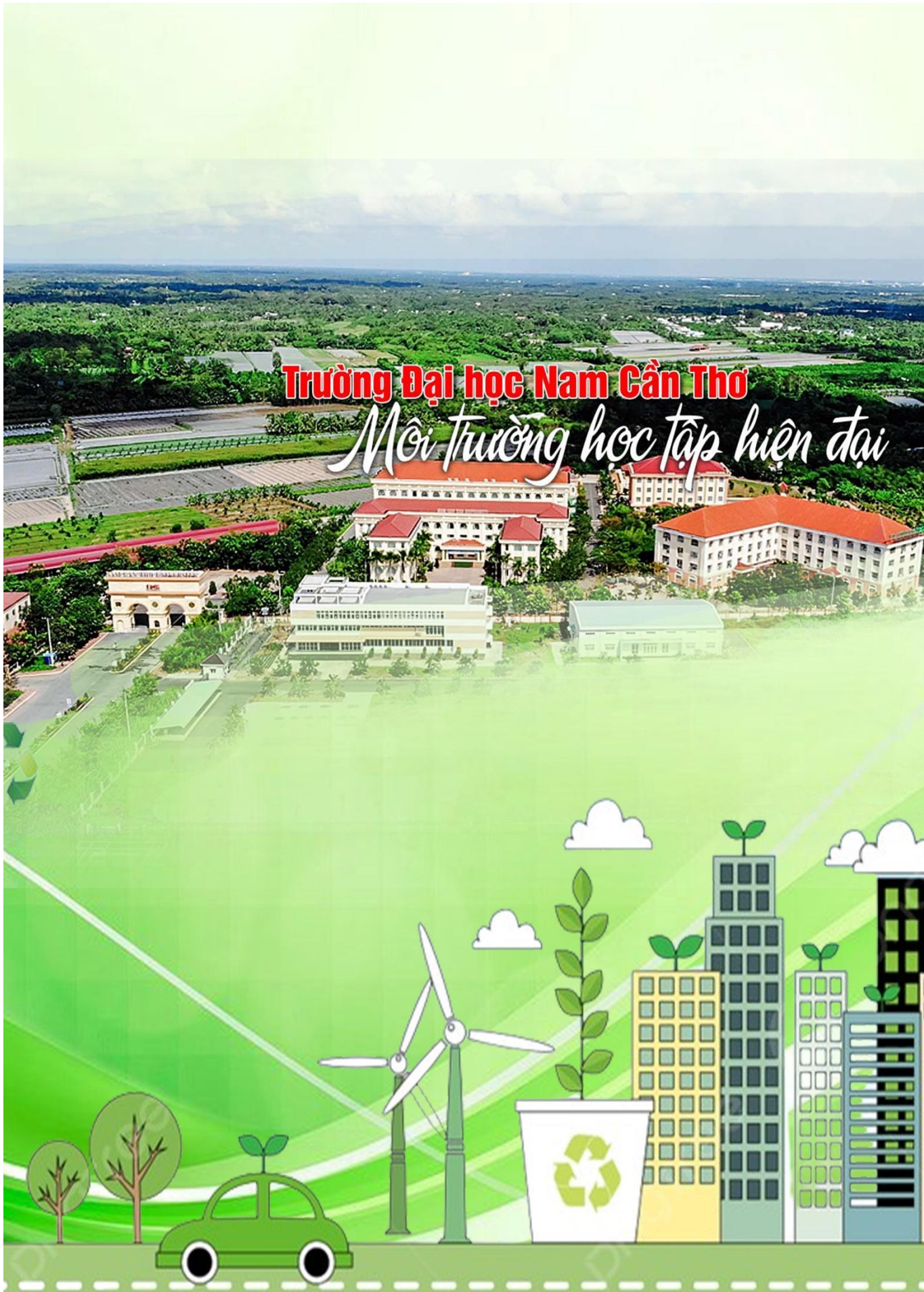
[5] UNW (2013), *Water Security & the Global Water Agenda A UN-Water Analytical Brief*.

[6] WaterAid (2012), *Water security framework*.

[7] <https://moitruong.net.vn/thuc-trang-su-dung-tai-nguyen-nuoc-o-viet-nam-58777.html>

[8] [https://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=78348#:~:text=WB%20\(2008\)%20đã%20định%20nghĩa,trường%20và%20nền%20kinh%20tế](https://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=78348#:~:text=WB%20(2008)%20đã%20định%20nghĩa,trường%20và%20nền%20kinh%20tế)





**Trường Đại học Nam Cần Thơ**

*Môi trường học tập hiện đại*



NAM CẦN THƠ UNIVERSITY

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ**

Số 168, đường Nguyễn Văn Cừ (nd), phường An Bình, quận Ninh Kiều,

Điện thoại: (0292) 3 798 222 - 3 798 668

Website: [nctu.edu.vn](http://nctu.edu.vn)